TÒA ÁNNHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 595/2019/HS-PT
Ngày 08-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 551/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Trần Trọng H. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Trọng H và kháng cáo của các người bị hại, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. **Trần Trọng H**, sinh ngày 06-01-1956 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 01, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng S và bà Dương Thị M (đều đã chết); có vợ là Tạ Thị L, sinh năm 1960 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1979 và nhỏ nhất sinh năm 1996); bị bắt tạm giam ngày 04-8-2017, đang bị tạm giam (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng H:* Ông Huỳnh Đ, Luật sư Văn phòng luật sư Huỳnh Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

2. **Lê Tiến C**, sinh ngày 15-6-1957 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 410/5 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị C2 (đều đã chết); có vợ là Vũ Thị M1, sinh năm 1957 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1983 và nhỏ nhất sinh năm 1987); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-4-2018 đến ngày 19-4-2018, tại ngoại (Có mặt).

3. **Đoàn Huy Đ1**, sinh ngày 20-03-1955 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L1 và bà Cao Thị M2 (đều đã chết); có vợ là Lê Thị Đ2, sinh năm 1960 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1983 và nhỏ nhất sinh năm 1987); tại ngoại (Có mặt).

- *Các người bị hại có kháng cáo:*

1. Bà Lê Thị S1, sinh năm 1957;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D2, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Ông Đỗ Đồng N, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 01, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông Ngô Văn T3, sinh năm 1956 địa chỉ: Thôn 01, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

* *Ngoài ra còn có các bị cáo Lê Tiến C bị xử phạt 7 năm tù, bị cáoĐoàn Huy Đ1 một năm tù cho hưởng án treo thời gian thủ thách là hai năm, các bị cáo không* có kháng cáo. (Do có kháng cáo của các người bị hại có liên quan đến các bị cáo, nên có triệu tập các bị cáo không kháng cáo đến dự phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2012, Nguyễn Quang H2 và Lê Tiến C bàn bạc, thống nhất cùng nhau nhận xin việc cho người khác vào làm việc trong các cơ quan nhà nước để hưởng tiền chênh lệch, kiếm thêm thu nhập. C sẽ liên hệ với những người có nhu cầu xin việc; H2 là người trực tiếp có quan hệ, gặp gỡ với những người có chức vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang để nhờ xin việc cho những trường hợp có nhu cầu. Sau đó, C gặp Trần Trọng H và nói với H, khi nào con gái H ra trường, C xin việc giúp cho. Đến khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2014 có 04 trường hợp đến gặp H nhờ H xin việc cho con của mình (*hộ ông Bùi Nguyên N2, hộ bà Lê Thị S1, hộ ông Đỗ Đồng N và hộ ông Ngô Văn T3*). Lúc này, H nhớ đến C nên gọi điện thoại nhờ C, khi C đồng ý, H nhận tiền và hồ sơ xin việc của 04 trường hợp này. Tổng số tiền H nhận để xin việc cho 04 trường hợp là 740.000.000 đồng, trong đó có 01 trường hợpĐoàn Huy Đ1 trực tiếp nhận tiền và hồ sơ xin việc cho con ông Đỗ Đồng N 175.000.000 đồng; Đ1 chuyển cho H 160.000.000 đồng, Đ1 giữ lại 15.000.000 đồng. Tổng số tiền 740.000.000 đồng này, H chuyển cho C, H2 540.000.000 đồng, H giữ lại 200.000.000 đồng. Sau khi nhận hồ sơ và tiền xin việc H, H2, C và Đ1 không xin được việc theo thỏa thuận mà đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết nên không có khả năng trả lại cho những người bị hại. Cụ thể như sau:

Trường hợp thứ nhất: Khoảng tháng 9 năm 2012, Trần Trọng H đến nhà anh Dương Đình H4 chơi. Tại đây, H gặp ông Bùi Nguyên N2. Quá trình ngồi nói chuyện, ông N2 nói con gái ông tên là Bùi Thị Thanh N3 vừa thi Đại học Cảnh sát nhân dân nhưng không đậu, hỏi H có khả năng lo phúc khảo nâng điểm cho N3 được không. Nghe vậy, H gọi điện thoại cho C, C nói không xin được. Sau đó, ông N2 đặt vấn đề

với H xin việc cho N3 vào làm việc trong ngành Công an nhân dân, H đồng ý và ông N2 đưa 01 bộ hồ sơ cho H, H đưa C, C đưa cho H2. Đến khoảng tháng 10 năm 2013, H2 thông báo cho C, C thông báo cho H biết là có một suất đi học trung cấp Công an nhân dân nhưng trước hết phải đi làm cấp dưỡng tại Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk rồi sẽ được cử đi học mà không phải đi thi, số tiền xin việc là 200.000.000 đồng. H thông báo lại cho gia đình ông N2 nội dung như C nói nhưng nâng số tiền lên 250.000.000 đồng, đưa trước 130.000.000 đồng, khi nào có quyết định đưa số tiền còn lại, gia đình ông N2 đồng ý. Sau đó, Nguyễn Quang H2 trực tiếp đưa Bùi Thị Thanh N3 đến Công an huyện B làm thủ tục, khi đi N3 đưa trước cho H2 số tiền 5.000.000 đồng để làm chi phí đi lại (*theo yêu cầu của H*). Đầu tháng 11 năm 2013, ông N2 đưa cho H số tiền 130.000.000 đồng, H đưa cho C, C đưa hết cho H2. Đến ngày 12-11-2013, N3 được Công an tỉnh Đắk Lắk ký Hợp đồng lao Đ1 số 209/HĐLĐ đến làm cấp dưỡng tại Công an huyện B. Sau đó, H đến nhà ông N2 lấy số tiền còn lại 115.000.000 đồng, H hẹn đến khoảng tháng 4 năm 2014, N3 sẽ được cử đi học trung cấp Công an, H viết giấy nhận tiền cho ông N2. Số tiền này H đưa cho C 65.000.000 đồng, H cho anh Dương Đình H4 15.000.000 đồng, còn 35.000.000 đồng, H tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, tổng số tiền H nhận từ gia đình ông N2 là 250.000.000 đồng; H đưa cho C 200.000.000 đồng, C đưa hết cho H2, H2 đưa lại cho C 10.000.000 đồng, số còn lại H2 tiêu xài cá nhân hết.

Trường hợp thứ hai: Khoảng tháng 12 năm 2012, bà Lê Thị S1 trú tại thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông nhờ H xin việc cho con trai bà là Phạm Văn D2 tốt nghiệp trung cấp y khoa chưa xin được việc làm. H nhận lời, sau đó bà S1 đưa 01 bộ hồ sơ của Dũng cho H, H đưa cho C, C đưa cho H2. Đến khoảng tháng 01 năm 2013, H2 thông báo cho C, C thông báo cho H, H nói lại với bà S1 là có một suất y tế học đường ở huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, giá xin việc từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, đưa trước 20.000.000 đồng. Sau đó, bà S1 đã đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng, H đưa cho C, C đưa cho H2. Khoảng 01 tháng sau, H2 nói lại với C là xin vào Bệnh viện đa khoa huyện B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền xin việc 120.000.000 đồng nhưng phải học việc trước sau đó mới được vào biên chế. C nói lại với H, H thông báo cho gia đình bà S1 nhưng H nâng số tiền lên 150.000.000 đồng. Bà S1 đã đưa thêm cho H 130.000.000 đồng, H đưa lại cho C 100.000.000 đồng (*H giữ lại 30.000.000 đồng*), C đưa cho H2, H2 đưa lại cho C 10.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền giữa bà S1 với H có viết giấy tờ; H đưa cho C, C đưa cho H2 không viết giấy tờ gì. Đến ngày 20-3-2013, H2 dẫn Phạm Văn D2 đến gặp ông Nguyễn Đức L4 - Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện B. Ông L4 đã ký hợp đồng học việc cho Phạm Văn D2 với thời hạn 01 năm. Trước khi về, H2 có để lại phòng làm việc của ông L4 số tiền 20.000.000 đồng, số còn lại H2 đã tiêu xài cá nhân hết. Số tiền 20.000.000 đồng, sau đó ông L4 đã trả cho D2. Đến hết 01 năm học việc nhưng không được chuyển biên chế chính thức nên D2 xin nghỉ việc.

Trường hợp thứ ba: Khoảng tháng 6 năm 2013, ông Lâm Văn T5 đến nhàĐoàn Huy Đ1 chơi, ông T5 nói có người cháu tên là Đỗ Đức A tốt nghiệp trung cấp đông y chưa xin được việc làm. Nghe vậy, Đ1 nói với ông T5, Đ1 có người bạn có thể xin việc cho Đức A vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Nghe vậy, ông T5 nói lại với ông Đỗ Đồng N (*ông N là bố đẻ của Đỗ Đức A*). Sau đó, ông N và ông T5 đến nhà Đ1, ông N nhờ Đ1 xin việc cho con trai mình. Lúc này, Đ1 đưa ra giá xin việc là

170.000.000 đồng, ông N đồng ý. Khi ông N đồng ý, Đ1 điện thoại cho H nhờ xin việc cho Đức A, H đồng ý. Mấy ngày sau, Đ1 gọi điện thoại cho ông N thông báo là bạn của Đ1 đồng ý xin việc cho con trai ông N, Đ1 nói ông N đặt cọc cho Đ1 5.000.000 đồng. Ngày 10-10-2013, ông N đến nhà đưa cho Đ1 5.000.000 đồng, hai bên có viết giấy tay với nhau, số tiền này Đ1 giữ không đưa cho H. Còn đối với H sau khi nghe Đ1 nhờ xin việc, H hỏi C, H2, khi C, H2 đồng ý và yêu cầu đưa trước số tiền 30.000.000 đồng, H nói lại với Đ1, Đ1 nói với ông N. Ngày 30-11-2013, ông N tiếp tục đưa cho Đ1 số tiền 30.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc, Đ1 hẹn với ông N 03 tháng sau sẽ có quyết định đi làm. Sau khi nhận hồ sơ, Đ1 đưa cho H, H đưa cho C, C đưa cho H2. Đến khoảng đầu tháng 01 năm 2014, H2 thông báo với C là xin việc cho Đỗ Đức A vào Bệnh xá Công an tỉnh Đắk Nông với số tiền 200.000.000 đồng, đưa trước số tiền 130.000.000 đồng, khi nào có quyết định chính thức đưa số tiền còn lại. C thông báo lại cho H số tiền xin việc là 220.000.000 đồng, đưa trước số tiền 130.000.000 đồng; H thông báo cho Đ1 số tiền xin việc là 250.000.000 đồng, đưa trước 2/3 số tiền (*160.000.000 đồng*), khi nào có quyết định chính thức đưa số tiền còn lại. Đ1 nói lại với ông N số tiền 280.000.000 đồng, đưa trước số tiền 140.000.000 đồng. Đến ngày 15-01-2014, ông N đưa cho Đ1 số tiền 140.000.000 đồng, Đ1 đưa cho H số tiền 130.000.000 đồng, giữ lại số tiền 10.000.000 đồng. H đưa cho C số tiền 100.000.000 đồng, C đưa hết cho H2. Sau đó C và H2 có dẫn Đỗ Đức A đến Công an tỉnh Đắk Nông nhiều lần nhưng không xin được việc. Như vậy, tổng số tiền ông N đưa cho Đ1 là 175.000.000 đồng; Đ1 đưa cho H 160.000.000 đồng; H đưa cho C 100.000.000 đồng, C đưa hết cho H2. Khi nhận tiền, Đ1 và ông N có viết giấy tờ với nhau; Đ1 đưa cho H; H đưa cho C, C đưa cho H2 không viết giấy tờ gì.

***Trường hợp thứ tư**:* Khoảng tháng 11 năm 2013, H biết con ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1 là Ngô Thanh T6 tốt nghiệp trường Học viện hành chính quốc gia TP. Hồ Chí Minh, chuyên ngành thanh tra chưa xin được việc làm. H hỏi ông T3 có nhu cầu xin việc cho Tùng không để H giúp, ông T3 đồng ý và đưa hồ sơ xin việc của Tùng cho H, H hỏi C, C hỏi H2, H2 đồng ý. Đến tháng 12 năm 2013, H2 thông báo cho C là xin việc cho Tùng ở Thanh tra tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 120.000.000 đồng, H nói lại với gia đình ông T3 số tiền xin việc là 180.000.000 đồng. Ngày 14-01-2014, ông T3 đưa cho H 60.000.000 đồng; ngày 06-5-2014, ông T3 đưa tiếp cho H số tiền 120.000.000 đồng, khi nhận tiền hai bên có viết giấy tay với nhau. Tổng số tiền 180.000.000 đồng H nhận từ ông T3, H đưa cho C 120.000.000 đồng, C đưa hết cho H2. Sau đó, C, H2 không xin được việc cho con ông T3, số tiền nhận được đã tiêu xài cá nhân hết.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Quá trình điều tra, Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng do gia đình của Trần Trọng H nộp để khắc phục hậu quả cho gia đình ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1.

* Phần dân sự: Các bị cáo Nguyễn Quang H2, Lê Tiến C, Trần Trọng H vàĐoàn Huy Đ1 đã liên đới bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của gia đình ông Bùi Nguyên N2; bà Lê Thị S1; ông Đỗ Đồng N. Gia đình ông N2, bà S1 đã có đơn bãi nại đối với bị cáo H và không có yêu cầu gì thêm. Gia đình ông N có yêu cầu bị cáo Đ1 phải trả tiền lãi đối với số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt. Đối với số tiền 180.000.000 đồng của gia đình ông Ngô Văn T3, bà Trần Thị N1, các bị cáo đã khắc phục trực tiếp

160.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng đã được gia đình bị can H nộp tại Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, gia đình ông T3, bà N1 đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra các bị cáo Trần Trọng H, Nguyễn Quang H2, Lê Tiến C vàĐoàn Huy Đ1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 23/CTr-VKS-P3 ngày 22-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Trần Trọng H, Nguyễn Quang H2, Lê Tiến C về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáoĐoàn Huy Đ1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 01-7-2018, bị can Nguyễn Quang H2 chết, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số: 01/2018/HSST-QĐ ngày 07-08-2018 đối với bị can Nguyễn Quang H2.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 22-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng H, phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017:

Xử phạt bị cáo Trần Trọng H 08 (*tám*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 04-8-2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần bồi thường trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 28-8-2018, bị cáo Trần Trọng H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28-8-2018, các người bị hại bà Lê Thị S1, ông Đỗ Đồng N, ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1 có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Trọng H thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản án hình sự sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng. Bị cáo thấy việc làm đã vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lý do: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, gia đình và bản thân bị cáo có công với Cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân, huy chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo là thương binh ¾.

Tại phiên tòa, các người bị hại bà Lê Thị S1 ủy quyền cho ông Phạm Văn D2, ông Đỗ Đồng N chỉ kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H; ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét về tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Trọng H, các người bị hại bà Lê Thị S1, ông Đỗ Đồng N, ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm

a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Trọng H, cũng như không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các người bị hại bà Lê Thị S1 ủy quyền cho ông Phạm Văn D2, ông Đỗ Đồng N kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H; ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1 rút yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông T3, bà N1. Vị kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên quyết định bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Quan điểm của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Trọng H trình bày ý kiến: Bị cáo mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn hối cải. Bị cáo có tác Đ1 gia đình đã nộp khắc phục hậu quả được 200.000.000đ; bản thân bị cáo là người có công với nước, vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Trọng H, sửa quyết định bản án hình sự sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Trọng H trình bày bổ sung: Bị cáo H do tin tưởng Nguyễn Quang H2 và Lê Tiến C nên đã phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* là có căn cứ. Các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết sau: Trước khi vụ án được khởi tố bị cáo H đã Đ1 viên các bị hại tố cáo hành vi của Nguyễn Quang H2 và Lê Tiến C; bị cáo đã bồi thường hết cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử mở rộng lượng khoan H cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, vị luật sư, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Trọng H và các người bị hại bà Lê Thị S1, ông Đỗ Đồng N, ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1 là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Trọng H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo và lời khai của các người bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ, phúc thẩm phù hợp với nhau và phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định với ý thức muốn chiếm đoạt tài sản là tiền của người các người bị hại bà Lê Thị S1, ông Đỗ Đồng N, ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1, bị cáo biết rõ không có khả năng xin việc tại các cơ quan nhà nước theo yêu cầu của những người bị hại, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã đưa ra thông tin sai lệch để những người bị hại tin tưởng và giao tiền cho các bị cáo, sau khi nhận được tiền, các bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết nên không có khả năng trả lại cho những người bị hại.

Bị cáo Trần Trọng H là người trực tiếp nhận tiền của các người bị hại 740.000.000 đồng để đưa cho bị cáo Lê Tiến C 540.000.000 đồng, bị cáo trực tiếp chiếm đoạt 200.000.000 đồng nhưng phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đã nhận của các bị hại là

740.000.000 đồng. Bị cáo H là người giữ vai trò tích cực và phải chịu trách nhiệm với số tiền chiếm đoạt lớn.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Trọng H xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý trực tiếp, bị cáo muốn hưởng thụ mà không lo làm ăn lương thiện để tạo ra của cải vật chất cho mình, mà bị cáo tìm cách nhằm để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, trong khoảng thời gian dài, chứng tỏ bị cáo thực hiện tội phạm một cách cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo chiếm đoạt với số tiền rất lớn trong khi hiện nay điều kiện kinh tế của bị cáo không T5 có khả năng thi hành án cho các người bị hại. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 08 năm tù là tương xứng, không nặng. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không có cung cấp bổ sung thêm tình tiết nào mới, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của vị kiểm sát viên bác yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Trọng H, cũng như lời bào chữa của vị luật sư.

Ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của các người bị hại buộc các bị cáo phải bồi thường khoản tiền lãi suất của số tiền bị chiếm đoạt và tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Trọng H, Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bị hại giao tiền cho các bị cáo để lo xin việc cho con mình là giao dịch bất hợp pháp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của các bị hại về tiền lãi suất và tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Trọng H.

Về án phí: Bị cáo Trần Trọng H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các người bị hại không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Trọng H.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các người bị hại bà Lê Thị S1 và ông Đỗ Đồng N.

Chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các người bị hại ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng H, phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017:

Xử phạt bị cáo Trần Trọng H 08 (*tám*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 04-8-2017.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Trả cho ông Ngô Văn T3, bà Trần Thị N1 số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) mà gia đình bị cáo H đã nộp bồi thường cho gia đình ông Ngô Văn T3 (theo giấy ủy nhiệm chi số: 03 ngày 28-5-2018 của Công an tỉnh Đắk Nông cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông). Chấp nhận sự thỏa thuận trả nợ số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* giữa con của bị cáo H với ông Ngô Văn T3 và bà Trần Thị N1. Nếu đến hạn mà không trả số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* như thỏa thuận thì ông T3, bà N1 có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Trọng H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo (3);
- Lưu HSVA(2). VP(6) 19b. (Án39).